

Số: 633 /BC-SCT

Quảng Trị, ngày 24 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 4 NĂM 2019

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 04/2019 tăng 7,81% so với tháng trước¹ và tăng 10,01% so với tháng cùng kỳ năm trước². Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,03% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 0,62%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,27%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 21,81%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,86% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 4 tháng đầu năm 2019 tăng cao hơn chỉ số sản xuất công nghiệp chung là: Phân hóa học tăng 42,18%; dăm gỗ tăng 36,35%; điện sản xuất tăng 31,75%; tấm lợp pro xi măng tăng 16,45%; đá xây dựng tăng 15,43%; điện thương phẩm tăng 14,28%; bộ com-lê, quần áo tăng 12,28%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Xi măng giảm 18,55%; bia lon giảm 14,88%; nước hoa quả (nước tăng lực) giảm 9,17%; quặng zircon giảm 7,84%; sẫm xe các loại giảm 7,68%; tinh bột sắn giảm 5,96%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 4,29%; quặng inmenit giảm 1,16%; lốp xe các loại giảm 0,95% so với tháng cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 4/2019 ước đạt 2.628,48 tỷ đồng, tăng 2,85% so với tháng trước và tăng 11,83% so với tháng cùng kỳ năm trước³.

¹ Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 21,15%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,98%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,26%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,37% so với cùng kỳ năm trước.

² Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,31%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 25,63%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,92%; Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 5,36% so với tháng cùng kỳ năm trước.

³ Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.255,09 tỷ đồng, tăng 12,06% so với tháng cùng kỳ năm trước; Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 376,39 tỷ đồng, tăng 10,45% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 274,9 tỷ đồng, tăng 9,78%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 2,99 tỷ đồng, tăng 9,45%; dịch vụ khác ước đạt 98,5 tỷ đồng, tăng 12,39% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung bốn tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 10.355,82 tỷ đồng, tăng 11,75% so với cùng kỳ năm trước, đạt 34,6% so với kế hoạch năm. Trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.952,5 tỷ đồng, tăng 11,8% và doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 1.403,32 tỷ đồng, tăng 11,4% so cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và đề xuất giải pháp thực hiện; Đề xuất các nội dung thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019.

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì, thực hiện; Kiến nghị, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ về thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong thời gian đến. Trình UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh về việc Phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành và triển khai Kế hoạch của Sở Công Thương về thực hiện Kế hoạch số 6000/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 131-CTHĐ/TU ngày 24/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến 2030; Tổng hợp, hoàn chỉnh Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ tỉnh đến 2025 để trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra các đề án khuyến công tỉnh và đề án khuyến công quốc gia năm 2019. Xây dựng Quy định mẫu về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp và Khuyến công cấp huyện; Tổ chức sản phẩm trưng bày Hội nghị và bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp quốc gia.

- Đề xuất UBND tỉnh thỏa thuận địa điểm và hướng tuyến công trình TBA 22/110kV đầu nối Nhà máy điện gió Hướng Tân, huyện Hướng Hóa; Thỏa thuận hướng tuyến 110kV và vị trí trạm biến áp nâng 22/110kV Nhà máy điện mặt trời Gio Thành 1. Đề xuất UBND tỉnh đầu tư xây dựng ĐZ và TBA 500kV Đông Hà - Lao Bảo và nghiên cứu xây dựng Đề án đường dây 500KV Việt Nam - Lào - Thái Lan.

- Tham mưu đề xuất UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc Dự án Nhà máy điện gió Hướng Linh 1; Triển khai thực hiện Cụm Dự án Thủy điện Hướng Sơn; Hoàn thiện các thủ tục Dự án Điện mặt trời Gio Thành 1, Dự án Điện mặt trời Gio Thành 2, Dự án nhà máy điện gió Hướng Tân, Dự án nhà máy điện gió Tân Linh và Dự án nhà máy điện gió Liên Lập để khởi công chào mừng kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh. Đề xuất Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch các Dự án Nhà máy điện gió, điện mặt trời vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh.

- Nghiệm thu, đóng điện đưa TBA Trung Long, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong vào vận hành, cấp điện; Triển khai công tác, thu hồi, giao đất để thực hiện đầu tư xây dựng công trình Cấp điện nông thôn xã Triệu Thượng. Triển khai thực hiện Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công Thương về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Báo cáo đánh giá kết quả hợp tác giữa tỉnh Quảng Trị với 2 tỉnh Savannakhet, Salavan/Lào giai đoạn 2017-2019, đề xuất kế hoạch hợp tác giai đoạn 2020-2022.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch triển khai "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2019; Kế hoạch thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" năm 2019; Kế hoạch tổ chức Hội chợ Thương mại và Quảng bá Du lịch - Quảng Trị năm 2019; Tham mưu thành lập Ban Tổ chức Hội chợ; Tổ chức lớp huấn luyện an toàn trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, an toàn thực phẩm.

- Triển khai thực hiện Đề án nhân rộng điểm trưng bày và giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh 2019; Đăng ký Đề án phát triển thương mại điện tử năm 2020. Xây dựng Đề án hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại đối với cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực của tỉnh năm 2019; Dự án mô hình thí điểm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp.

- Báo cáo đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng của Sở Công Thương Giai đoạn từ 16/12/2017 đến 15/12/2018; Tham gia Đoàn thanh tra liên ngành của Sở Khoa học và Công nghệ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

- Chỉ đạo thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình công tác trọng tâm năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Tập trung thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì, thực hiện.

- Hoàn chỉnh rà soát xác định tiêu chuẩn, định mức số lượng xe ô tô theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thực hiện Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025 trình Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động duy trì, củng cố chỉ số cải cách hành chính và chỉ số PAPI năm 2019; Thực hiện phóng sự về đẩy mạnh cải cách hành chính; Tổ chức làm việc tình nguyện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp vào ngày thứ bảy hàng tuần.

- Thông báo kết luận tại buổi làm việc giữa Lãnh đạo Sở Công Thương với UBND huyện Triệu Phong ngày 13/3/2019; Trình phê duyệt Đề án tổ chức lại Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại và đổi tên thành Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương.

III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm tháng 5 năm 2019

- Tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chuẩn bị nội dung làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình phát triển ngành Công Thương và chương

trình phát triển năng lượng tái tạo. Hỗ trợ các nhà đầu tư để khởi công - hoàn thành các dự án năng lượng chào mừng kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh được UBND giao.

- Hỗ trợ Công ty điện lực quốc tế Thái Lan (EGATi) hoàn thành đàm phán hợp đồng BOT và các thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1.

- Hướng dẫn UBND cấp huyện rà soát, khảo sát lập đề án bổ sung cụm công nghiệp, giải quyết các vướng mắc về quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp. Tổ chức thẩm định các đề án khuyến công tỉnh đợt 1 năm 2019; Triển khai thực hiện các đề án khuyến công quốc gia năm 2019

- Dự thảo Kế hoạch diễn tập phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất; Kế hoạch kiểm tra định kỳ tình hình bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ; Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Hợp đồng giao dịch theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai tổ chức kiểm tra giá bán điện sinh hoạt tại các địa điểm kinh doanh dịch vụ cho học sinh, sinh viên, người lao động thuê nhà để ở; kiểm tra mô hình tổ chức quản lý điện và giá bán điện tại chợ trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức hội thảo bàn giải pháp tháo gỡ khó khăn trong chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh (theo Kế hoạch số 2860/KH-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh). Triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức Hội chợ Thương mại, quảng bá du lịch năm 2019.

- Xây dựng Dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị (sửa đổi, bổ sung Quy chế ban hành theo Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 29/12/2015). Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng, nâng cấp trang thông tin điện tử; Vận hành sản giao dịch thương mại điện tử của tỉnh (theo Kế hoạch phát triển thương mại điện tử của tỉnh năm 2019).

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác pháp chế năm 2019 của Sở Công Thương; Triển khai thực hiện Quyết định 126/QĐ-SCT ngày 14/12/2018 của Giám đốc Sở Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2019.

- Đôn đốc thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình công tác trọng tâm năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Tổ công tác Giám đốc Sở thực hiện kiểm tra các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì, thực hiện.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch cải cách hành chính năm 2019; Phối hợp tổ chức cung ứng dịch vụ công mức độ cao của Sở. Đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính; Rà soát, đề xuất sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Tổ chức làm việc tình nguyện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp vào ngày thứ bảy hàng tuần.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 68 năm ngày truyền thống ngành Công Thương (14/5/2019); Triển khai các hoạt động chào mừng kỷ niệm 30 năm lập lại tỉnh và 90 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 4 năm 2019; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính (báo cáo);
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Vĩnh

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

Tháng 4 và 4 tháng năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	529	483	2466	638	2495	91,36%	75,82%	98,84%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	379	541	1844	516	2001	142,86%	104,90%	92,16%
3	Đá xây dựng	M3	65743	75812	219207	69154	189901	115,32%	109,63%	115,43%
4	Tinh bột sắn	Tấn	8829	7499	34076	7080	36236	84,94%	105,92%	94,04%
5	Bia lon	1000 lít	1020	1600	4684	2161	5503	156,86%	74,04%	85,12%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	858	1040	3984	1036	4386	121,21%	100,39%	90,83%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	776	825	2908	682	2590	106,31%	120,97%	112,28%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	7810	8557	30461	7996	31828	109,57%	107,02%	95,71%
9	Dăm gỗ	Tấn	28224	30723	94549	20473	69341	108,85%	150,07%	136,35%
10	Ván ép	M3	16478	17800	69114	17713	70146	108,02%	100,49%	98,53%
11	Dầu nhựa thông	Tấn	108	70	284	66	281	64,81%	106,06%	101,07%

12	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	475	450	1592	426	1571	94,74%	105,63%	101,34%
13	Phân hoá học (NPK)	Tấn	4711	4500	20776	3530	14612	95,52%	127,48%	142,18%
14	Lốp xe các loại	1000 cái	224	228	849	221	857	101,79%	103,10%	99,05%
15	Săm xe các loại	1000 cái	475	477	1748	441	1893	100,42%	108,06%	92,32%
16	Xi măng	Tấn	23357	34400	84758	36488	104060	147,28%	94,28%	81,45%
17	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	396	440	1254	338	1077	111,07%	130,18%	116,45%
18	Điện sản xuất	Triệu KWh	67	74	226	52	172	109,80%	142,67%	131,75%
19	Điện thương phẩm	Triệu KWh	54	54	208	47	182	100,88%	115,88%	114,28%
20	Nước máy	1000 m3	1089	1100	4293	989	4066	101,01%	111,23%	105,59%
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	2555,54	2628,48	10355,82	2350,49	9267,18	102,85%	111,83%	111,75%
1	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	2199,05	2252,09	8952,50	2009,71	8007,50	102,41%	112,06%	111,80%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	180,54	185,30	733,62	169,76	670,83	102,63%	109,15%	109,36%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,00	0,00	0,00	-	-	-	-	-
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1524,36	1561,85	6229,01	1387,57	5552,20	102,46%	112,56%	112,19%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	494,14	504,95	1989,87	452,38	1784,48	102,19%	111,62%	111,51%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		356,49	376,39	1403,32	340,77	1259,68	105,58%	110,45%	111,40%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	258,53	277,89	1013,80	253,13	909,08	107,49%	109,78%	111,52%
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		255,81	274,90	1002,55	250,40	898,81	107,46%	109,78%	111,54%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	2,72	2,99	11,25	2,73	10,27	109,91%	109,45%	109,52%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	97,97	98,50	389,52	87,64	350,60	100,54%	112,39%	111,10%

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 4 và 4 tháng năm 2019

Biểu số 01/SCT-BCT

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 3/2019		Dự ước tháng 4/2019			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 4/2019 so với tháng 4/2018
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	139,77	108,19	150,68	107,81	110,01	109,03
1. Công nghiệp khai khoáng	73,33	109,41	88,83	121,15	94,64	100,62
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	145,73	105,24	157,35	107,98	108,31	107,27
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	162,36	122,35	169,27	104,26	125,63	121,81
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	108,45	107,13	108,05	99,63	109,92	104,86